

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2024/DS-ST.

Ngày: 03-12-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hồng

Ông Hoàng Văn Thái

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Khánh Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 294/2024/QĐXXST – DS ngày 25 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Thái K, sinh năm 1962. (Vắng mặt)

Địa chỉ: số nhà M đường N Khóm A, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Lê G, sinh năm 1965, là người đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền công chứng ngày 10/5/2024. (Có mặt).

Địa chỉ: số nhà M đường N Khóm A, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:*

1. Ông Lê T, sinh năm 1979. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm D, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà Huỳnh D. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm D, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 10/5/2024, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Lê G trình bày:

Bà là vợ của nguyên đơn ông Thái K. Vợ chồng ông T, bà D có vay của vợ chồng bà số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng), thỏa thuận 500.000.000 đồng có lãi suất một ngày là 500.000 đồng. Ông T đến nhà vợ chồng bà vay tiền, lấy tiền, vay ba lần, lần đầu vay 500.000.000 đồng; lần hai vay 1.000.000.000 đồng; lần ba vay 500.000.000 đồng. Các lần vay tiền thì chỉ ghi vào sổ tay của bà. Và đều hứa vài ngày (có khi từ 04 đến 06 ngày, có khi hơn 10 ngày) trả vốn và lãi một lượt lại cho vợ chồng bà, mục đích ông T hỏi vay tiền của vợ chồng bà nói là người dân cần tiền để đáo hạn ngân hàng. Sau này ông T để tiền thiếu vợ chồng bà lâu quá nên vợ chồng bà có đến nhà vợ chồng ông T gặp để đòi lại số tiền vay. Ngày 27/8/2022 thì vợ chồng ông T có viết biên nhận thừa nhận còn nợ ông Thái K số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng). Rồi cũng hứa hẹn hai ba tháng sau sẽ trả lại cho vợ chồng bà nhưng cũng hứa hẹn hoài đến nay chưa có trả tiền vốn cho vợ chồng bà. Nhưng cũng có trả nhiều lần được số tiền lãi 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng), ngày 08/02/2024 ông T có làm giấy xác nhận cho chồng bà có nội dung còn nợ ông K số tiền hai tỷ đồng và nợ lãi tính từ ngày 27/8/2022 đến ngày 08/02/2024 trừ đi tiền đã trả là 120.000.000 đồng. Bà là vợ chồng K, số tiền cho ông T vay là tiền chung của vợ chồng bà nhưng bà cũng là người đại diện cho ông Khoa tham gia vụ kiện này nên bà không yêu cầu đưa bà vào tham gia với tư cách của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà để cho ông K toàn quyền yêu cầu vợ chồng ông T trả tiền vay.

Tại phiên tòa hôm nay bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của ông K, yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

+ Ông K buộc vợ chồng ông Lê T và bà Huỳnh D phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông K số tiền vốn gốc là: 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng).

+ Ông K yêu cầu buộc vợ chồng ông Lê T và bà Huỳnh D phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông K tiền lãi suất kể từ ngày 27/08/2022 dương lịch cho đến ngày xét xử (ngày 03/12/2024) với mức lãi suất 1,66%/tháng là: 2.000.000.000 đồng x 1,66% x 02 năm 03 tháng 06 ngày = 903.040.000 đồng (Chín trăm lẻ ba triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng) và đồng ý khấu trừ lại số tiền lãi ông T đã đóng là 120.000.000 đồng.

Tổng cộng ông K yêu cầu ông Lê T và bà Huỳnh D là: vốn gốc là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) + tiền lãi là 703.040.000 đồng (Bảy trăm lẻ ba triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng) = 2.703.040.000 đồng (Hai tỷ, bảy trăm lẻ ba triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng).

2/ Bị đơn ông Lê T và bà Huỳnh D đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến trình bày cũng không đến Tòa án để tham gia phiên tòa.

3/ Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS. Còn các bị đơn vắng mặt không rõ lý do là chưa chấp hành đúng quy định của BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Lê T và bà Huỳnh D trả cho ông Thái K số tiền vốn vay là 2.000.000.000 đồng và số tiền lãi từ ngày 27/8/2022 đến ngày xét xử, mức lãi suất 1,66%/tháng, trừ lại số tiền lãi đã đóng là 120.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Thái K vắng mặt nhưng có người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa. Các bị đơn ông Lê T và bà Huỳnh D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và các khoản 2, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt, ông K, ông T và bà D.

[2] Theo đơn kiện lập ngày 10/5/2024 ông Thái K có kiện ông Lê K và bà Huỳnh D buộc ông T và bà D cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông K số nợ gốc 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) và tiền lãi tính từ ngày 27/8/2022 đến ngày xét xử, mức lãi suất 1,66%/tháng, trừ lại số tiền lãi đã đóng là 120.000.000 đồng. Các bị đơn không có ý kiến. Nhận thấy:

[2.1] Ông Thái K cung cấp cho Tòa án biên nhận lập ngày 27/8/2022 có nội dung "*Tôi tên Lê T đ/c: Khóm D, phường A, TX N, Sóc Trăng. Tổng còn thiếu chú Thái K số tiền là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) người nhận ký tên và ghi họ tên Lê T; Huỳnh D*". Và Giấy xác nhận lập ngày 08/02/2024 có nội dung ông Lê T xác nhận còn nợ ông Thái K số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) và tiền lãi tính từ ngày 27/8/2022 đến nay, trừ đi số tiền lãi đã trả là 120.000.000 đồng.

[2.2] Quá trình tố tụng Tòa án cũng đã thông báo cho bị đơn ông T và bà D biết nội dung khởi kiện cũng như công bố tài liệu chứng cứ nhưng phía bị đơn ông T và bà D có tình vắng mặt, không tiếp cận chứng cứ cũng không phản hồi ý kiến khởi kiện của ông K. Nên căn cứ vào chứng cứ ông K cung cấp, bị đơn không có ý kiến phản đối về chứng cứ nguyên đơn ông K cung cấp. Từ đó, Hội đồng xét xử xác định ông T và bà D có vay 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) của ông K trên thực tế. Nên việc nguyên đơn ông K yêu cầu ông T và bà D trả số tiền vay là có cơ sở theo quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về tiền lãi: Theo giấy xác nhận lập ngày 08/02/2024 có nội dung ông Lê T xác nhận còn nợ ông Thái K số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) và tiền

lãi tính từ ngày 27/8/2022 đến nay, trừ đi số tiền lãi đã trả là 120.000.000 đồng. Như vậy, việc giao dịch vay tiền của ông K và ông T, bà D là có thỏa thuận lãi suất, nay ông K yêu cầu ông T và bà D trả lãi suất với mức lãi suất 1.66%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền lãi được tính như sau: 2.000.000.000 đồng x 1.66%/tháng x 02 năm 03 tháng 06 ngày (từ ngày 27/8/2022 đến ngày 03/12/2024) = 903.040.000 đồng. Tại phiên tòa bà G đồng ý khấu trừ lại số tiền lãi đã nhận của ông T là 120.000.000 đồng, như vậy số tiền lãi ông T và bà D còn phải trả cho ông K là 783.040.000 đồng (903.040.000 đồng – 120.000.000 đồng).

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông T và bà D phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của ông K được chấp nhận, số tiền án phí phải chịu là 87.660.800 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông K không phải chịu án phí nhưng ông K thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí nên không đặt ra xem xét hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tại phiên tòa hoàn toàn có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thái K về việc yêu cầu các bị đơn ông Lê T và bà Huỳnh D cùng có trách nhiệm trả nợ vay.

Buộc ông Lê T và bà Huỳnh D có trách nhiệm trả cho ông Thái K tổng số tiền 2.783.040.000 đồng (Hai tỷ, bảy trăm tám mươi ba triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng). Trong đó tiền vốn gốc là 2.000.000.000 đồng và tiền lãi suất là 783.040.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm thi hành án trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Thái K không phải chịu án phí.

Ông Lê T và bà Huỳnh D phải liên đới chịu án phí số tiền là 87.660.800 đồng (Tám mươi bảy triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn, tám trăm đồng).

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

4/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Vàng